

Đánh giá thực trạng công tác giáo dục thể chất của nữ sinh viên năm thứ nhất trường Đại học Thăng Long

TS. Phạm Anh Tuấn; ThS. Vũ Thị Huệ

TÓM TẮT:

Bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học thường quy trong thể dục thể thao (TDTT) để đánh giá thực trạng trình độ thể lực chung (TLC) của sinh viên (SV) trường Đại học Thăng Long, làm cơ sở lựa chọn bài tập phù hợp phát triển TLC cho SV.

Từ khóa: năng lực thể chất, tố chất thể lực chung, sinh viên đại học.

ABSTRACT:

The paper uses routine scientific research methods in physical education to assess the current state of physical fitness of students at Thang Long University as a basis for the selection of exercises appropriate for general physical development students.

Keywords: physical capacity, general physical qualities, student



(Ảnh minh họa)

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đại học Thăng Long (ĐHTL) là trường ngoài công lập đào tạo đa ngành trình độ đại học và sau đại học, được thành lập theo Quyết định số 1687/KH-TV ngày 15/12/1988 của Bộ Đại học, Trung học chuyên nghiệp và Dạy nghề.

Với truyền thống 25 năm xây dựng và phát triển không ngừng, ĐHTL đã khẳng định tên tuổi và chất lượng đào tạo với gần 2000 SV tốt nghiệp mỗi năm, góp phần đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

Về công tác GDTC của trường trong những năm qua luôn được quan tâm, trú trọng. Tuy nhiên qua thực tế công tác giảng dạy, huấn luyện cho thấy trình độ TLC của SV nhà trường vẫn còn nhiều hạn chế. Đặc biệt là thể lực của nữ. Chính vì vậy việc đánh giá thực trạng từ đó lựa chọn bài tập nâng cao thể lực cho nữ SV góp phần nâng cao chất lượng giáo dục thể chất (GDTC) là vấn đề cấp thiết.

Đây cũng chính là lý do chúng tôi chọn đề tài: “**Đánh giá thực trạng công tác giáo dục thể chất của nữ sinh viên năm thứ nhất trường Đại học Thăng Long**” để nghiên cứu.

Trong quá trình thực hiện, đề tài đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu: phân tích và tổng hợp tài liệu, phỏng vấn, kiểm tra sự phạm, toán học thống kê.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Thực trạng công tác GDTC của trường ĐHTL

* Về đội ngũ giảng viên:

Qua điều tra khảo sát đội ngũ GV GDTC trường ĐHTL đề tài thu được kết quả sau:

Từ kết quả tại bảng 1 cho thấy: đội ngũ giáo viên (GV) giảng dạy GDTC của trường đều có trình độ từ Đại học đến sau đại học cơ bản đáp ứng yêu cầu công tác GDTC của trường.

* Về cơ sở vật chất (CSVC): Mặc dù CSVC phục

Bảng 1. Thực trạng đội ngũ giảng viên GDTC của trường

Chỉ số TT	Giới tính		Trình độ		Thâm niên 10 năm	Tuổi đời			Đại học chính quy
	Nam	Nữ	Thạc sĩ	Đại học		> 50	40 - 50	< 40	
Số lượng	7	2	3	6	3	0	5	4	9
Tỷ lệ	77,8	2,22	33,3	66,7	33,3	0	55,5	44,4	100

Bảng 2. Tiêu chuẩn đánh giá thể lực đối với nữ lứa tuổi từ 18 - 19 tuổi

Tuổi	Điểm	Lực bóp tay thuận (kg)	Nằm ngửa gập bụng (lần/30 giây)	Bật xa tại chỗ (cm)	Chạy 30m XPC (giây)	Chạy con thoi 4 x 10m (giây)	Chạy tùy sức 5 phút (m)
18	Tốt	> 31,5	> 18	> 168	< 5,80	< 12,10	> 930
	Đạt	≥ 26,5	≥ 15	≥ 151	≤ 6,80	≤ 13,10	≥ 850
19	Tốt	> 31,6	> 19	> 169	< 5,70	< 12,00	> 940
	Đạt	≥ 26,7	≥ 16	≥ 153	≤ 6,70	≤ 13,00	≥ 870

Bảng 3. Thực trạng trình độ TLC của nữ SV trường ĐHTL

TT	Các test	Tuổi 18 (n = 70)	Tuổi 19 (n = 80)
1	Chạy 30 m XPC (cm)	9.58 ± 0.99	9.20 ± 0.99
2	Bật xa tại chỗ (cm)	167.23 ± 17.39	168.10 ± 16.30
3	Chạy tùy sức 5 phút (m)	849.21 ± 17.57	859.30 ± 17.60
4	Nằm ngửa gập bụng (lần/30 giây)	14.84 ± 1.58	15.70 ± 1.40

Bảng 4. Phân loại trình độ TLC của nữ SV Trường ĐHTL

Tuổi	Kết quả phân loại chung					
	Tốt		Đạt		Không đạt	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
18 (n = 70)	10	14.29	34	48.57	26	37.14
19 (n = 80)	12	15	43	53.75	25	31.25

vụ cho công tác GDTC của trường ĐHTL đã được quan tâm đầu tư. Tuy nhiên, thực tế chưa đáp ứng đủ cho nhu cầu học tập của SV số lượng ngày càng gia tăng.

* **Về chương trình giảng dạy:** cấu trúc chương trình môn học GDTC ở trường ĐHTL hiện nay tổng số giờ là 90 tiết và được chia thành 3 tín chỉ gồm: 1 tín chỉ bắt buộc (môn: Lý thuyết chung, Điền kinh) và 2 tín chỉ tự chọn (các môn: Bóng chuyền, Bóng rổ và Cầu lông). Với quỹ thời gian ngắn, khối lượng kỹ thuật phải học tương đối nhiều, nên SV bước đầu mới chỉ nắm bắt được các kỹ thuật cơ bản của môn học, còn việc phát triển thể lực cho SV trong giờ học chính khóa là hạn chế.

2.2. Đánh giá trình độ TLC của nữ SV trường ĐHTL

Để đánh giá thực trạng TLC của nữ SV trường ĐHTL chúng tôi sử dụng các test đánh giá theo Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ

Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) ban hành quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh SV. Trong đó sử dụng 4/6 test trong đó có test bật xa tại chỗ (cm) và chạy tùy sức 5 phút là bắt buộc.

- + Bật xa tại chỗ (cm)
- + Chạy 30m XPC (s)
- + Chạy tùy sức 5 phút (m)
- + Nằm ngửa gập bụng (s)

Qua các bảng trên cho thấy:

- Lứa tuổi 18 có số SV đạt loại tốt là: 10/70 chiếm tỷ lệ 14.29%.

- Lứa tuổi 19 có số SV đạt loại tốt là: 12/80 chiếm tỷ lệ 15%.

Như vậy, số SV xếp loại thể lực tốt không cao và có chiều hướng tăng dần theo lứa tuổi.

- Lứa tuổi 18 số SV đạt tiêu chuẩn thể lực: 34/70 chiếm tỷ lệ 48.57%.

- Lứa tuổi 19 số SV đạt tiêu chuẩn thể lực: 43/80 chiếm tỷ lệ 53.75%.

Bảng 5. So sánh trình độ TLC của nữ lứa tuổi 18 và 19 trường ĐHTL

TT	Các test	Tuổi 18 (n = 70)	Tuổi 19 (n = 80)	t	p
1	Chạy 30 m XPC (cm)	9.58 ± 0.99	9.20 ± 0.99	1,10	> 0,05
2	Bật xa tại chỗ (cm)	167.23 ± 17.39	168.10 ± 16.30	2,21	< 0,05
3	Chạy tùy sức 5 phút (m)	849.21 ± 17.57	859.30 ± 17.60	2,25	< 0,05
4	Nằm ngửa gập bụng (lần/30 giây)	14.84 ± 1.58	15.70 ± 1.40	2,31	< 0,05

- Lứa tuổi 18 số SV không đạt tiêu chuẩn thể lực: 26/70 chiếm tỷ lệ 37.14%

- Lứa tuổi 19 số SV không đạt tiêu chuẩn thể lực: 25/80 chiếm tỷ lệ 31.25%.

So sánh kết quả lứa tuổi 18 và lứa tuổi 19 số SV chưa đạt tiêu chuẩn rèn luyện thân thể có chiều hướng giảm dần. Tuy nhiên, tỷ lệ SV chưa đạt yêu cầu về thể lực vẫn còn cao ở cả hai lứa tuổi.

Để thấy rõ hơn trình độ TLC của 2 nhóm đề tài tiến hành so sánh TLC của 2 lứa tuổi. Kết quả được trình bày tại bảng 4.

Qua bảng 4 cho thấy: sự phát triển TLC của đối tượng nghiên cứu thay đổi theo quá trình học tập. Trong đó, hầu hết các tố chất sức mạnh, sức bền và khéo léo của nữ SV trường ĐHTL lứa tuổi 19 tốt hơn lứa tuổi 18. Riêng có tố chất sức nhanh 2 lứa tuổi không có sự khác biệt đáng kể.

3. KẾT LUẬN

- Đội ngũ GV của nhà trường cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu giảng dạy; CSVC dành cho GDTC của trường ĐHTL chưa đáp ứng đủ cho nhu cầu học tập của SV số lượng ngày càng gia tăng; cấu trúc chương trình môn học GDTC ở trường ĐHTL hiện nay tổng số giờ là 90 tiết và được chia thành 3 tín chỉ gồm: 1 tín chỉ bắt buộc (môn: Lý thuyết chung, Điền kinh) và 2 tín chỉ tự chọn (các môn: bóng chuyền, Bóng rổ và

Cầu lông). Với quỹ thời gian ngắn, khối lượng kỹ thuật phải học tương đối nhiều, nên SV bước đầu mới chỉ nắm bắt được các kỹ thuật cơ bản của môn học, còn việc phát triển thể lực cho SV trong giờ học chính khóa là hạn chế.

- Sự phát triển TLC của đối tượng nghiên cứu thay đổi theo quá trình học tập. Trong đó, hầu hết các tố chất sức mạnh, sức bền và khéo léo của nữ SV trường ĐHTL lứa tuổi 19 tốt hơn lứa tuổi 18.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ GD&ĐT (2008), *Quyết định số 53/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, SV.*
2. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (2011), *Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2030*, Hà Nội.
3. Trần Hồng Quân (2000), *Một số vấn đề đổi mới trong việc giáo dục đào tạo*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Nguyễn Đức Văn (2001), *Phương pháp thống kê trong TDTT*, Nxb TDTT, Hà Nội.
5. Viện Khoa học TDTT (2003), *Thực trạng thể chất người Việt Nam từ 6 đến 20 tuổi (thời điểm năm 2001)*, Nxb TDTT, Hà Nội.

Nguồn bài báo: kết quả nghiên cứu của đề tài Thạc sĩ khoa học giáo dục: “Lựa chọn bài tập phát triển thể lực cho nữ SV năm thứ nhất trường ĐHTL”. Đề tài đã được bảo vệ thành công năm 2016.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 24/10/2017; ngày phản biện đánh giá: 15/12/2017; ngày chấp nhận đăng: 12/1/2018)